



NỘI DUNG CHÍNH

TIN ĐÁNG CHÚ Ý

1. Hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.
2. Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư 2020.
3. Hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.
4. Quy định mới về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự.

BÀI VIẾT

Người có ý tưởng sáng tạo và người chấp bút - Ai là tác giả?

ĐỌC BÁO GIÚP BẠN

1. Sắp thí điểm mua bán điện mặt trời, gió không qua EVN.
2. Kiến nghị các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp giao thông vận tải.

GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC

1. Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân đối với khoản tiền mua bảo hiểm sức khỏe cho người lao động.
2. Chính sách thuế thu nhập cá nhân.
3. Thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động gia công của doanh nghiệp chế xuất.
4. Thuế nhà thầu.

DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

1. Hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế

Ngày 18/3/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 19/2021/TT-BTC (“**Thông tư 19/2021**”) hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế. Thông tư 19/2021 sẽ có hiệu lực từ ngày 03/5/2021, thay thế Thông tư 110/2015/TT-BTC và Thông tư 66/2019/TT-BTC. Theo đó, để thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, người nộp thuế cần lưu ý một số quy định sau đây:

1.1 Điều kiện giao dịch thuế điện tử

Người nộp thuế thực hiện giao dịch thuế điện tử phải có khả năng truy cập và sử dụng mạng Internet, có địa chỉ thư điện tử, có chữ ký số hoặc có số điện thoại di động được một công ty viễn thông ở Việt Nam cấp (đối với cá nhân chưa được cấp chứng thư số) đã đăng ký sử dụng để giao dịch với cơ quan thuế, trừ trường hợp người nộp thuế lựa chọn phương thức nộp thuế điện tử thông qua dịch vụ thanh toán điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, khi đó, thực hiện theo quy định của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

1.2 Phương thức giao dịch thuế điện tử

Người nộp thuế có thể thực hiện giao dịch thuế điện tử thông qua 1 trong 5 phương thức sau:

- (1) Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.
- (2) Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.
- (3) Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác (trừ mục (2) ở trên) đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

(4) Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN được Tổng cục Thuế chấp nhận kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

(5) Dịch vụ thanh toán điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để thực hiện nộp thuế điện tử.

1.3 Thời gian giao dịch thuế điện tử

Người nộp thuế có thể thực hiện các giao dịch thuế điện tử 24 giờ trong ngày (kể từ 00:00:00 giờ đến 23:59:59 giờ) và 7 ngày trong tuần, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ và ngày tết. Thời gian cơ quan Thuế gửi thông báo, quyết định, văn bản cho người nộp thuế được xác định là trong ngày nếu hồ sơ được ký gửi thành công trong khoảng thời gian từ 00:00:00 giờ đến 23:59:59 giờ của ngày.

1.4 Tra cứu thông tin của người nộp thuế

Người nộp thuế sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử truy cập Cổng thông tin điện tử để tra cứu, xem, in toàn bộ thông tin về hồ sơ, chứng từ, thông báo, quyết định, văn bản đã nhận/gửi giữa cơ quan thuế và người nộp thuế; tra cứu nghĩa vụ kê khai, tra cứu thông tin nghĩa vụ theo hồ sơ, chứng từ, quyết định; tra cứu số thuế còn phải nộp. Các thông tin của các thông báo, quyết định, văn bản của cơ quan thuế trên Cổng thông tin điện tử

của Tổng cục Thuế có giá trị xác nhận như văn bản bằng giấy của cơ quan thuế.

2. Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư 2020

Ngày 26/3/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định 31/2021/NĐ-CP (“**Nghị định 31/2021**”) quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Nghị định 31/2021 có hiệu lực kể từ ngày ký, tức ngày 26/3/2021 và thay thế cho Nghị định 118/2015/NĐ-CP, Nghị định 37/2020/NĐ-CP, Nghị định 83/2015/NĐ-CP, Nghị định 104/2007/NĐ-CP, Nghị định 69/2016/NĐ-CP, Nghị định 79/2016/NĐ-CP, một phần của Nghị định 100/2018/NĐ-CP và có một số điểm mới đáng lưu ý sau đây:

2.1 Mức bảo đảm thực hiện dự án của nhà đầu tư

Nghị định 31/2021 quy định, trừ một số trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 43 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư phải ký quỹ hoặc phải có bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam về nghĩa vụ ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

(2) Sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ công hoặc hàng hóa, dịch vụ độc quyền nhà nước.

(3) Sở hữu, kinh doanh nhà ở, bất động sản.

(4) Áp dụng các hình thức hỗ trợ, trợ cấp của Nhà nước đối với một số ngành, lĩnh vực hoặc phát triển vùng, địa bàn lãnh thổ.

(5) Tham gia chương trình, kế hoạch cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

2.2 Điều kiện để nhà đầu tư nước ngoài hoạt động đầu tư kinh doanh ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường tại Việt Nam

Theo Điều 15 của Nghị định 31/2021, ngoài điều kiện tiếp cận thị trường đối với các ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường, nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài khi thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện về:

(6) Các điều kiện khác theo quy định tại các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ và điều ước quốc tế về đầu tư có quy định không cho phép hoặc hạn chế tiếp cận thị trường đối với tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

2.3 Hạn chế về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài

(1) Sử dụng đất đai, lao động; các nguồn tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản.

Theo khoản 10 Điều 17 của Nghị định 31/2021, hạn chế về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định

tại các điều ước quốc tế về đầu tư được áp dụng như sau:

- Nếu nhiều nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào tổ chức kinh tế và thuộc đối tượng áp dụng của một hoặc nhiều điều ước quốc tế về đầu tư thì tổng tỷ lệ sở hữu của tất cả nhà đầu tư nước ngoài không được vượt quá tỷ lệ cao nhất theo quy định của một điều ước quốc tế có quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với một ngành, nghề cụ thể.
- Nếu nhiều nhà đầu tư nước ngoài thuộc cùng một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào tổ chức kinh tế thì tổng tỷ lệ sở hữu của tất cả nhà đầu tư đó không được vượt quá tỷ lệ sở hữu quy định tại điều ước quốc tế về đầu tư áp dụng đối với các nhà đầu tư đó.
- Nếu tổ chức kinh tế có nhiều ngành, nghề kinh doanh mà điều ước quốc tế về đầu tư có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài thì tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại tổ chức kinh tế đó không vượt quá hạn chế về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với ngành, nghề có hạn chế về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thấp nhất.
- Đối với công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hoặc quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, nếu pháp luật về chứng khoán có quy định khác về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài thì thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

2.4 Điều kiện điều chỉnh dự án đầu tư khi chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư

Nhà đầu tư có quyền điều chỉnh dự án đầu tư theo các hình thức chia, tách dự án đầu tư đang thực hiện của nhà đầu tư đó thành hai hoặc một số dự án; hoặc sáp nhập một hoặc một số dự án đầu tư của nhà đầu tư đó vào một dự án đầu tư của nhà đầu tư đó nhưng phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Các điều kiện sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, điều kiện đầu tư kinh doanh (nếu có) và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.
- Không được thay đổi điều kiện của nhà đầu tư (nếu có) tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước khi thực hiện việc chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư.

2.5 Điều kiện điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp

Nhà đầu tư được sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn thành lập tổ chức kinh tế, góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật đất đai, pháp luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan. Việc góp vốn này phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, người có tài

sản gắn liền với đất; quyền và nghĩa vụ của người nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; điều kiện góp vốn và nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

- Điều kiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản (nếu có).
- Điều kiện quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thỏa thuận giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư (nếu có).
- Điều kiện góp vốn và nhận vốn góp bằng tài sản của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.
- Điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư.
- Thực hiện các nghĩa vụ về tài chính với Nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật.

2.6 Nhà đầu tư chịu mọi thiệt hại phát sinh đối với hành vi giả mạo nội dung hồ sơ, tài liệu thực hiện thủ tục đầu tư

Theo Điều 7 của Nghị định 31/2021, khi cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật xác định có nội dung giả mạo trong hồ sơ thực hiện thủ tục đầu tư thì nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và mọi thiệt hại phát sinh đối với hành vi giả mạo nội dung hồ sơ, tài liệu đó. Đồng thời, cơ quan đăng ký đầu tư phải thực hiện thủ tục:

- Thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư về hành vi vi phạm.
- Hủy bỏ hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét hủy bỏ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và các văn bản có liên quan khác đã được cấp lần đầu hoặc hủy bỏ nội dung văn bản, giấy tờ được ghi trên cơ sở các thông tin giả mạo.
- Khôi phục lại văn bản, giấy tờ được cấp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất, đồng thời xử lý hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Ngày 29/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định 35/2021/NĐ-CP (“**Nghị định 35/2021**”) quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP). Nghị định 35/2021 có hiệu lực kể từ ngày ký, tức ngày 29/3/2021 thay thế cho Nghị định 63/2018/NĐ-CP và có một số điểm mới đáng lưu ý sau đây:

3.1 Quy định cụ thể lĩnh vực đầu tư và quy mô dự án PPP

Lĩnh vực		Quy mô
Giao thông vận tải	Đường bộ; đường sắt; đường thủy nội địa; hàng hải; hàng không;	1.500 tỷ đồng trở lên.
Lưới điện, nhà máy điện	Năng lượng tái tạo; nhiệt điện than; nhiệt điện khí (bao gồm cả khí tự nhiên hóa lỏng - LNG); điện hạt nhân; lưới điện; trừ các trường hợp Nhà nước độc quyền theo quy định của Luật Điện lực.	1.500 tỷ đồng trở lên; riêng dự án thuộc lĩnh vực năng lượng tái tạo có tổng mức đầu tư từ 500 tỷ đồng trở lên.
Thủy lợi; cung cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải.		200 tỷ đồng trở lên.
Y tế	Cơ sở khám chữa bệnh; y tế dự phòng; kiểm nghiệm	100 tỷ đồng trở lên.
Giáo dục - đào tạo	Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp.	100 tỷ đồng trở lên.
Hạ tầng công nghệ thông tin	Hạ tầng thông tin số, kinh tế số; hiện đại hóa công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng và Nhà nước; ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu, trung tâm dữ liệu; các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ quốc gia dùng chung; an toàn, an ninh mạng; hệ thống ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp; hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông (ICT) cho đô thị thông minh.	200 tỷ đồng trở lên.

3.2 Ba đối tượng được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP

Theo Điều 30 của Nghị định 35/2021, trong lựa chọn nhà đầu tư, 3 đối tượng được hưởng ưu đãi và mức ưu đãi cụ thể là:

- (1) Nhà đầu tư có hồ sơ đề xuất dự án được chấp thuận hưởng mức ưu đãi 5% khi đánh giá hồ sơ dự thầu.
- (2) Nhà đầu tư có cam kết sử dụng nhà thầu trong nước tham gia thực hiện dự án với giá trị công việc chiếm tỷ lệ từ 25% tổng mức đầu tư của dự

án trở lên được hưởng mức ưu đãi 3% khi đánh giá hồ sơ dự thầu.

- (3) Nhà đầu tư khi tham gia lựa chọn nhà đầu tư quốc tế có cam kết sử dụng hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước để thực hiện dự án với giá trị chiếm tỷ lệ từ 25% tổng mức đầu tư của dự án trở lên được hưởng mức ưu đãi 2% khi đánh giá hồ sơ dự thầu.

Nguyên tắc ưu đãi là (i) nhà đầu tư thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng mức cao nhất theo quy

định của hồ sơ mời thầu; (ii) trường hợp sau khi tính ưu đãi, nếu các hồ sơ dự thầu xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên cho nhà đầu tư có đề xuất dự án được chấp thuận; và (iii) Trường hợp nhà đầu tư thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại mục (2) và mục (3) ở trên được lựa chọn ký kết hợp đồng nhưng không thực hiện theo đúng cam kết trong hồ sơ dự thầu và hợp đồng dự án PPP thì sẽ bị xử phạt theo quy định tại hợp đồng dự án PPP. Trong trường hợp này, hợp đồng dự án PPP phải quy định điều khoản xử phạt cụ thể tương ứng với mức ưu đãi nhà đầu tư được hưởng khi đánh giá hồ sơ dự thầu

3.3 Tỷ lệ giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án PPP

Điều 35 của Nghị định 35/2021 quy định giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng được quy định trong hồ sơ mời thầu theo mức xác định từ 1,5% đến 3% tổng mức đầu tư của dự án đối với dự án có tổng mức đầu tư đến 300 tỷ đồng. Dự án có tổng mức đầu tư trên 300 tỷ đồng có giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng được quy định trong hồ sơ mời thầu theo xác định từ 1% đến 1,5% tổng mức đầu tư của dự án.

3.4 Kết quả khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư là cơ sở để xác định hình thức lựa chọn nhà đầu tư

Điều 34 của Nghị định 35/2021 quy định, căn cứ kết quả khảo sát sự quan

tâm của nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu thầu rộng rãi hay đàm phán cạnh tranh.

- Đối với hình thức đấu thầu rộng rãi (trong nước hay quốc tế, sơ tuyển hay không sơ tuyển): trường hợp có nhà đầu tư nước ngoài quan tâm thì áp dụng đấu thầu quốc tế, trường hợp có từ 6 nhà đầu tư trở lên quan tâm thì áp dụng sơ tuyển.
- Hình thức đàm phán cạnh tranh được áp dụng trong trường hợp (i) dự án được khảo sát (việc khảo sát áp dụng với dự án xuất hiện yếu tố đặc biệt cần áp dụng giải pháp đổi mới sáng tạo nhằm rút ngắn tiến độ và hoàn thành xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong một khoảng thời gian nhất định, đạt mức tiết kiệm năng lượng cao, bảo vệ môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo pháp luật về bảo vệ môi trường) có không quá 3 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án. Trường hợp sau khi khảo sát có nhiều hơn 3 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án thì việc xác định hình thức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi; và (ii) Dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới theo quy định của Luật PPP.

4. Quy định mới về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự

Ngày 19/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định 21/2021/NĐ-CP (“**Nghị định 21/2021**”) quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, bao gồm tài sản bảo đảm; xác lập, thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và xử lý tài sản bảo đảm. Nghị định 21/2021 sẽ có hiệu lực từ ngày 15/5/2021 và thay thế Nghị

định 163/2006/NĐ-CP, Nghị định số 11/2012/NĐ-CP và có những nội dung mới đáng lưu ý sau đây:

4.1 Bốn loại tài sản dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự

Điều 8 của Nghị định 21/2021 quy định, tài sản dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự bao gồm:

- (1) Tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai, trừ trường hợp Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan cấm mua bán, cấm chuyển nhượng hoặc cấm chuyển giao khác về quyền sở hữu tại thời điểm xác lập hợp đồng bảo đảm, biện pháp bảo đảm.
- (2) Tài sản bán trong hợp đồng mua bán tài sản có bảo lưu quyền sở hữu.
- (3) Tài sản thuộc đối tượng của nghĩa vụ trong hợp đồng song vụ bị vi phạm đối với biện pháp cầm giữ.
- (4) Tài sản thuộc sở hữu toàn dân trong trường hợp pháp luật liên quan có quy định.

4.2 Một nghĩa vụ có thể được bảo đảm thực hiện bằng nhiều tài sản

Theo Điều 5 của Nghị định 21/2021, ngoài quy định về một nghĩa vụ có thể được bảo đảm thực hiện bằng nhiều biện pháp bảo đảm đã được quy định trong Nghị Định 163/2006/NĐ-CP thì có bổ sung thêm quy định về việc một nghĩa vụ cũng có thể được bảo đảm thực hiện bằng nhiều tài sản. Phạm vi bảo đảm thực hiện nghĩa vụ từng tài sản trong số các tài sản bảo đảm được xác định theo thỏa thuận của bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm. Trường hợp không có thỏa thuận thì bất kỳ tài

sản nào trong số đó được dùng để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ.

4.3 Những trường hợp không được truy đòi tài sản bảo đảm

Khoản 2 Điều 7 của Nghị định 21/2021 quy định, bên nhận bảo đảm không được truy đòi tài sản bảo đảm trong 4 trường hợp sau đây:

- (1) Tài sản bảo đảm đã được bán, được chuyển nhượng hoặc đã được chuyển giao khác về quyền sở hữu do có sự đồng ý của bên nhận bảo đảm và không được tiếp tục dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận.
- (2) Tài sản thế chấp được bán, được thay thế hoặc được trao đổi theo quy định của Bộ luật Dân sự.
- (3) Tài sản bảo đảm không còn hoặc bị thay thế bằng tài sản khác theo quy định biến động về tài sản bảo đảm của Nghị định 21/2021.
- (4) Trường hợp khác theo quy định của Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan.

4.4 Xử lý tài sản bảo đảm là tài sản hình thành trong tương lai

Theo Điều 55 của Nghị định 21/2021, việc xử lý tài sản bảo đảm là tài sản hình thành trong tương lai thực hiện theo thỏa thuận của các bên. Thỏa thuận này có thể có các nội dung sau đây:

- Trường hợp tài sản bảo đảm chưa hình thành hoặc đã hình thành nhưng chưa

được cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định của pháp luật thì bên nhận bảo đảm có thể chuyển nhượng hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng khác về xác lập quyền đối với tài sản hình thành trong tương lai, nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm hoặc bán tài sản hình thành trong tương lai theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp tài sản bảo đảm đã hình thành và bên bảo đảm đã xác lập quyền sở hữu đối với tài sản thì bên nhận bảo đảm có thể nhận chính tài sản này để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm hoặc xử lý theo quy định chung về xử lý tài sản bảo đảm đối với tài sản hiện có.

4.5 Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng bảo đảm

Đối với hợp đồng bảo đảm được công chứng, chứng thực theo quy định của Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan hoặc theo yêu cầu thì có hiệu lực từ thời điểm được công chứng, chứng thực. Các trường hợp còn lại thì hợp đồng bảo đảm có hiệu lực từ thời điểm do các bên thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận thì có hiệu lực từ thời điểm hợp đồng được giao kết.

4.6 Thời điểm phát sinh hiệu lực đối kháng của biện pháp bảo đảm với người thứ ba

- Biện pháp bảo đảm chỉ phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba trong trường hợp hợp đồng bảo đảm đã có hiệu lực pháp luật.

- Trường hợp biện pháp bảo đảm phải đăng ký theo quy định của Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan hoặc được đăng ký theo thỏa thuận hoặc được đăng ký theo yêu cầu của bên nhận bảo đảm thì thời điểm đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật liên quan là thời điểm biện pháp bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba. Nếu không thuộc trường hợp trên thì hiệu lực đối kháng với người thứ ba của biện pháp cầm cố tài sản, đặt cọc, ký cược phát sinh từ thời điểm bên nhận bảo đảm nắm giữ tài sản bảo đảm.

- Trường hợp tài sản bảo đảm thuộc biện pháp bảo đảm cầm cố tài sản, đặt cọc, ký cược được giao cho người khác quản lý thì hiệu lực đối kháng của biện pháp bảo đảm với người thứ ba phát sinh từ thời điểm:

- ✓ Bên nhận cầm cố, bên nhận đặt cọc hoặc bên nhận ký cược nắm giữ tài sản bảo đảm.
- ✓ Người quản lý tài sản nhận trực tiếp tài sản bảo đảm từ bên cầm cố, bên đặt cọc hoặc bên ký cược.
- ✓ Hợp đồng bảo đảm có hiệu lực trong trường hợp người khác đang quản lý trực tiếp tài sản mà tài sản này được dùng để cầm cố, để đặt cọc hoặc để ký cược.

- Hiệu lực đối kháng của biện pháp ký quỹ với người thứ ba phát sinh từ thời điểm tài sản ký quỹ được gửi vào tài khoản phong tỏa tại tổ chức tín dụng nơi ký quỹ.

GV Lawyers xin giới thiệu một bài viết của Luật sư Lê Quang Vy và Trợ lý luật sư Võ Trần Hoàng Sa có tiêu đề: **“Người có ý tưởng sáng tạo và người chấp bút – Ai là tác giả?”** được đăng trên website Tạp chí Luật sư Việt Nam ngày 15/4/2021.

BÀI VIẾT

(LSVN) - Vụ việc tranh chấp bản quyền tác giả giữa gia đình Nhà văn Hữu Mai và gia đình Đại tướng Võ Nguyên Giáp liên quan đến Bộ Hồ ký của Đại tướng Võ Nguyên Giáp do Nhà văn Hữu Mai chấp bút; hay nổi bức xúc của Nhà văn Võ Diệt Thanh khi nhận viết hồ ký cho một nhân vật nổi tiếng... Đây là vấn đề tranh chấp bản quyền tác giả giữa người có ý tưởng sáng tạo và người chấp bút hiện đang xảy ra trong đời sống xã hội. Vậy, luật pháp quy định như thế nào về tác giả, đồng tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả?

Cũng như các nước, Luật Sở hữu Trí tuệ năm 2005, sửa đổi 2009, 2019 của Việt Nam (Luật SHTT) minh thị quyền tác giả chỉ phát sinh khi tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định (Điều 6, Luật SHTT). Điều này có nghĩa nếu một người nghĩ ra ý tưởng, nhưng ý tưởng đó chưa được thể hiện bằng một hình thức vật chất, như: bài viết, bản ghi âm, ghi hình... thì tác phẩm chưa được hình thành, và vì thế chưa được luật pháp bảo hộ. Nói khác đi, luật bản quyền không bảo hộ tác phẩm khi chỉ là một sự sáng tạo trong ý tưởng, mà luật

pháp chỉ bảo hộ khi sự sáng tạo trong ý tưởng được thể hiện bằng một hình thức vật chất nhất định.

Sự khác nhau giữa tác giả, đồng tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả

Chúng ta biết rằng, chủ thể của mọi quyền lợi bao giờ cũng có hai đối tượng đó là thể nhân (con người của tự nhiên, là sản phẩm của tạo hóa) và pháp nhân (con người do pháp luật sinh ra). Vì thế, chủ thể quyền sở hữu quyền tác giả có thể là thể nhân hoặc là pháp nhân. Song, khi nói đến tác giả thì không thể là pháp nhân mà chỉ có thể là thể nhân. Bởi, chỉ có thể nhân mới là người trực tiếp sáng tạo nên tác phẩm.

Theo đó, khoản 1 Điều 6 Nghị định 22/2018/NĐ-CP về hướng dẫn Luật SHTT năm 2005, sửa đổi năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan (Nghị định 22/2018/NĐ-CP) quy định: “Tác giả là người trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học”.

Điều 6 Luật Bản quyền Liên Bang Thụy Sĩ đưa ra khái niệm “Tác giả là thể nhân sáng tạo nên tác phẩm”. Về

mặt pháp lý, có lẽ chúng ta nên sử dụng thuật ngữ “là thể nhân/cá nhân sáng tạo” chính xác hơn “là người sáng tạo”, bởi như đã nêu trên, pháp nhân là con người do pháp luật sinh ra, vì thế nếu dùng “người sáng tạo” thì một mặt nào đó sẽ có thể bị hiểu là pháp nhân sáng tạo, trong khi đó pháp nhân không phải là con người tự nhiên thì không thể sáng tạo được.

Nói tóm lại, chỉ những cá nhân bằng lao động của mình, trực tiếp sáng tạo một phần hoặc toàn bộ tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học thể hiện dưới dạng vật chất nhất định mới là tác giả của tác phẩm, được luật pháp bảo hộ. Tác phẩm được xem là đồng tác giả khi có nhiều tác giả cùng sử dụng thời gian, tài chính, cơ sở vật chất của mình để cùng sáng tạo ra tác phẩm đó.

Luật SHTT cũng minh thị các trường hợp tác giả đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả và tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả. Theo đó, cá nhân sử dụng vốn thời gian, tài chính và các điều kiện vật chất khác của mình trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm thì cá nhân đó vừa là tác giả, đồng

thời là chủ sở hữu quyền tác giả (Điều 37 Luật SHTT). Trong trường hợp này, tác giả có quyền sở hữu toàn bộ các quyền nhân thân và quyền tài sản đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra. Đối với tác phẩm có đồng tác giả thì các đồng tác giả cũng đồng thời là đồng chủ sở hữu quyền tác giả. Luật pháp cũng dự liệu trong trường hợp các đồng tác giả có phần sáng tạo riêng, có thể tách ra để sử dụng độc lập mà không gây phương hại tới phần của các đồng tác giả khác, thì có quyền sở hữu toàn bộ quyền nhân thân và quyền tài sản đối với phần sáng tạo độc lập đó (Điều 38 Luật SHTT). Trường hợp tác giả chỉ là người sáng tạo ra tác phẩm theo nhiệm vụ được giao hoặc theo hợp đồng sáng tạo (tác giả làm thuê), thì tác giả chỉ có quyền nhân thân, còn quyền tài sản sẽ thuộc về cá nhân hay tổ chức giao việc hoặc có giao kết hợp đồng với tác giả.

Như vậy, tổ chức giao nhiệm vụ hoặc tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng với tác giả sáng tạo tác phẩm sẽ là chủ sở hữu quyền tác giả tác phẩm (Điều 39 Luật SHTT). Ngoài ra, Luật SHTT cũng có quy định các trường hợp chủ sở hữu quyền tác

giả là người thừa kế, là người được chuyển giao quyền hay trong trường hợp nào thì chủ sở hữu quyền tác giả là Nhà nước.

Người chấp bút có phải là tác giả hoặc đồng tác giả?

Người chấp bút, trong tiếng Anh được gọi là “ghostwriter” và được định nghĩa là “a person who writes a book, etc. for another person, under whose name it is then published”¹; có nghĩa là “người viết một cuốn sách cho một người khác và sẽ xuất bản theo tên của người đã thuê họ viết ra cuốn sách đó”. Khoản 3 Điều 6 Nghị định 22/2018/NĐ-CP quy định: “Người hỗ trợ, góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu cho người khác sáng tạo ra tác phẩm không được công nhận là tác giả hoặc đồng tác giả”. Như vậy, dưới nhãn quan pháp lý, nếu người chấp bút hay người đánh máy chỉ thực hiện công việc hỗ trợ cho tác giả sáng tạo trong việc tạo ra tác phẩm sẽ không được xem là tác giả hay đồng tác giả. Một cách rõ ràng, người chấp bút chỉ là người thực hiện ý tưởng của tác giả sáng tạo ra tác phẩm bởi một hình thức vật chất nhất định. Do đó, người chấp bút không phải là

người sáng tạo ra tác phẩm nên không được xem là tác giả.

Luật bản quyền của một số nước trên thế giới cũng không thừa nhận vai trò của người chấp bút, hay người hỗ trợ sẽ có quyền tác giả đối với tác phẩm khi thực hiện các công việc hỗ trợ để thể hiện ý tưởng sáng tạo của tác giả (như công việc đánh máy, tập hợp tư liệu,...).

Tại Hoa Kỳ, khi bàn về vấn đề bản quyền của người chấp bút, người chấp bút sẽ không có quyền đối với tác phẩm sau khi đã nhận đầy đủ khoản tiền thanh toán từ tác giả cho công việc hỗ trợ đó. Quyền sở hữu đối với bản quyền tác phẩm sẽ thuộc về bên đặt hàng, và người chấp bút sẽ không có quyền tác giả hoặc quyền sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm². Tuy nhiên, các tranh chấp về bản quyền sẽ xảy ra khi hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên không có điều khoản quy định rõ ràng về vai trò của người chấp bút trong mối quan hệ với tác giả. Ngoài ra, tại Thụy Sĩ, yếu tố “đồng sáng tạo” cũng là bắt buộc để phân định vai trò của “đồng tác giả” đối với tác phẩm, theo đó, khái niệm

¹<https://www.oxfordlearnersdictionaries.com/definition/english/ghostwriter?q=ghostwriter>

² Theo chia sẻ của nhà văn Mỹ Lawrence Watt-Evants tại chuyên trang hỏi đáp Quora

đồng tác giả cũng chỉ đặt ra đối với những người cùng đóng góp vào việc sáng tạo nên tác phẩm và quyền tác giả chỉ thuộc về những người này mà không dành cho các đối tượng hỗ trợ khác (như người chấp bút) với vai trò không đóng góp vào sự sáng tạo đối với tác phẩm đó³.

Một vụ tranh chấp về bản quyền giữa tác giả và người chấp bút khá nổi tiếng tại Pháp được biết đến là giữa Đại văn hào nổi tiếng của Pháp – Alexandre Dumas và người hỗ trợ ông trong việc chấp bút các tiểu thuyết nổi tiếng là ông Auguste Maquet. Theo đó, Auguste Maquet đã khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu việc công nhận ông với tư cách đồng tác giả cùng với Alexandre Dumas đối với các cuốn tiểu thuyết nổi tiếng mà ông đã hợp tác chấp bút cùng Alexandre Dumas, mặc dù tại hợp đồng hợp tác, Auguste Maquet đã thỏa thuận việc không ghi nhận công sức đóng góp trong việc sáng tạo nên các cuốn tiểu thuyết này. Kết quả,

Tòa án đã xử chỉ có Alexandre Dumas – người thực sự có ý tưởng sáng tạo đối với tác phẩm mới có quyền tác giả đối với các cuốn tiểu thuyết này sau khi phải trả các chi phí đã thuê Auguste Maquet viết tiểu thuyết trong khoảng thời gian 11 năm⁴.

Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử, không phải hẳn nhiên 100% cơ quan giải quyết tranh chấp sẽ lựa chọn phương án giải quyết chỉ căn cứ vào quy định pháp luật, vì vốn dĩ, các điều khoản thỏa thuận giữa các bên trong mỗi quan hệ hợp tác này đóng vai trò quan trọng khi xem xét giải quyết tranh chấp. Do đó, các tác giả khi thuê người chấp bút hoặc người hỗ trợ thực hiện công việc liên quan, cần lưu ý xây dựng cơ sở rõ ràng trong hợp đồng hoặc thỏa thuận hợp tác để bảo vệ tốt nhất quyền lợi của chính mình. Về cả pháp lý và thực tiễn, một hợp đồng với các quy định chặt chẽ và khẳng định rõ ràng vai trò hỗ trợ của người chấp bút để thể hiện ý tưởng sáng tạo của

tác giả trong tác phẩm là cơ sở pháp lý cần thiết để các bên giải quyết tranh chấp khi xảy ra sau này.

Trở lại vụ việc của gia đình Nhà văn Hữu Mai và gia đình Đại tướng Võ Nguyên Giáp liên quan đến Bộ Hồi ký của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, có thể khi các tác phẩm này ra đời, khi đó Việt Nam chưa có Luật SHTT hoặc nếu có thì giữa các bên không thiết lập hợp đồng một cách minh bạch. Luật SHTT của Việt Nam hiện hành tương đối rõ ràng, tiệm cận với luật pháp tiến bộ của nhiều nước trên thế giới. Thiết nghĩ, đây sẽ là cơ sở pháp lý để các bên cùng ngồi lại nhằm đạt được thỏa thuận chung. Bởi mục đích, ý nghĩa của Luật SHTT không chỉ tạo ra hành lang pháp lý bảo vệ cho các tác giả mà nó còn đảm bảo cân bằng được lợi ích giữa tác giả, người truyền bá và công chúng (người thụ hưởng), tạo điều kiện cho việc phổ biến tác phẩm hay nhằm giúp cho các sản phẩm tinh thần phục vụ xã hội ngày càng tốt hơn.

³ Theo truy cập tại trang https://www.fedlex.admin.ch/eli/cc/1993/1798_1798_1798/en

⁴ Theo thông tin được công bố tại trang của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới WIPO

https://www.wipo.int/wipo_magazine/en/2008/05/article_0011.html

1. Sắp thí điểm mua bán điện mặt trời, gió thông qua EVN

Bộ Công Thương đang lấy ý kiến về dự thảo Thông tư quy định thí điểm mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện từ năng lượng tái tạo với khách hàng sử dụng điện (cơ chế DPPA).

Theo đó, khách hàng dùng điện cho sản xuất công nghiệp (cấp điện áp từ 22 kV trở lên) có thể

đàm phán, thoả thuận mua điện trực tiếp từ các nhà máy điện mặt trời, điện gió thông qua hợp đồng kỳ hạn.

Giao dịch mua bán điện sẽ được thực hiện qua thị trường điện giao ngay, vận hành theo quy định thị trường bán buôn điện cạnh tranh của Bộ Công Thương.

Cục Điều tiết Điện lực (Bộ Công Thương) cho biết, khách hàng dùng điện tham gia thí điểm phải có hồ sơ đăng ký đáp ứng các tiêu chí, như cam kết sử dụng năng lượng tái tạo; tỷ lệ sản lượng điện hợp đồng mua trong 3 năm đầu tham gia thí điểm từ 80% trở lên.

Về phía đơn vị phát điện, muốn tham gia thí điểm cơ chế này, dự án điện gió, mặt trời phải có trong quy hoạch, công

suất lắp đặt trên 30 MW. Các dự án này cũng phải cam kết mốc thời gian vận hành thương mại, tham gia thị trường điện trong vòng 9 tháng từ khi được công bố lựa chọn tham gia của cơ quan có thẩm quyền. Ngoài ra, hồ sơ tham gia thí điểm của dự án cũng phải kèm theo văn bản chứng minh hỗ trợ tài chính từ các tổ chức

tài chính, tín dụng.

Bộ Công Thương dự kiến thí điểm cơ chế này trong giai đoạn 2021-2023 với tổng công suất khoảng 1.000 MW. Sau thí điểm một năm, Cục Điều tiết điện lực sẽ đánh giá các khía cạnh thị trường, kỹ thuật, tài chính và pháp lý... hoàn thiện nội dung, báo cáo các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng rộng rãi cơ chế này.

Cũng theo Cục Điều tiết điện lực, khi thực hiện cơ chế thí điểm này, thị trường bán buôn điện cạnh tranh được hoàn chỉnh, bán lẻ điện cạnh tranh chính thức triển khai, hợp đồng mua bán điện trực tiếp sẽ chuyển sang thực hiện theo quy định mới có liên quan.

Theo Anh Minh, vnexpress.net

2. Kiến nghị các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp giao thông vận tải

Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến các doanh nghiệp ngành giao thông vận tải, Bộ Giao thông Vận tải đã kiến nghị Chính phủ cần có thêm

nhiều chính sách mới hỗ trợ các doanh nghiệp gặp khó khăn.

Theo Bộ Giao thông Vận tải, đại dịch COVID-19 đã khiến các doanh nghiệp vận tải gặp nhiều khó khăn và hiện dịch bệnh này vẫn đang diễn biến phức tạp. Cần tiếp tục duy trì các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp, do đó Bộ Giao thông Vận tải vừa đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành xem xét một số chính sách, giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp.

Cụ thể, kiến nghị Chính phủ cho phép ngành hàng không tiếp tục kéo dài chính sách giảm 50% giá dịch vụ hạ, cất cánh tàu bay đối với các chuyến bay nội địa; áp dụng mức giá tối thiểu 0 đồng với các dịch vụ chuyên ngành hàng không thuộc danh mục Nhà nước quy định khung giá đến hết năm 2021. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước xem xét các kiến nghị khác của ngành hàng không về hỗ trợ tín dụng, lãi suất ngân hàng, thời hạn thanh toán.

Đối với lĩnh vực vận tải đường sắt, Bộ Giao thông Vận tải kiến nghị Chính phủ cho phép lùi thời gian thực hiện Nghị định số 65/2018 về thực hiện niên hạn sử dụng đầu máy, toa xe thêm 3 năm. Bổ sung Nghị định số 32/2017 về

tín dụng đầu tư nhà nước để các dự án đóng mới đầu máy, toa xe đường sắt thuộc danh mục được vay vốn ưu đãi của Ngân hàng phát triển Việt Nam. Đồng thời, sớm phê duyệt 2 Đề án “Quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt



Kiến nghị các chính hỗ trợ doanh nghiệp ngành Giao thông. Ảnh VNA

quốc gia do Nhà nước đầu tư và Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Đường sắt Việt Nam để làm cơ sở cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Cùng đó tại lĩnh vực hàng hải, Bộ Giao thông Vận tải kiến nghị bổ sung đối tượng được ưu tiên tiêm vaccine phòng ngừa COVID-19 cho các thuyền viên làm việc trên tàu biển, người làm việc trực tiếp với tàu biển. Hỗ trợ thủ tục nhập cảnh cho sỹ quan, thuyền viên Việt Nam làm việc trên tàu biển hoạt động tuyến quốc tế quá thời hạn hợp đồng lao động được hồi hương; xem xét đưa thuyền viên Việt Nam hết hạn hợp đồng đang mắc kẹt ở nước ngoài vào danh sách ưu tiên trên các chuyến bay cứu trợ của Chính phủ Việt Nam.

Theo Minh Hạnh, laodong.vn

1. Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân đối với khoản tiền mua bảo hiểm sức khỏe cho người lao động

Trường hợp Công ty mua sản phẩm bảo hiểm sức khỏe không bắt buộc và không có tích lũy về phí bảo hiểm cho người lao động thì:

- Về thuế thu nhập doanh nghiệp: Khoản chi mua bảo hiểm sức khỏe cho người lao động của Công ty được coi là khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động, nếu tổng số chi có tính chất phúc lợi không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp và đáp ứng đủ điều kiện theo hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Về thuế thu nhập cá nhân: Không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của người lao động đối với khoản tiền phí mua sản phẩm bảo hiểm sức khỏe không bắt buộc và không có tích lũy về phí bảo hiểm.

Cục thuế TP Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty TNHH Business Sweden Vietnam tại Công văn số 7431/CTHN-TTHT ngày 12/3/2021.

2. Chính sách thuế thu nhập cá nhân

- Trường hợp Bà Christina Hui (Quốc tịch Hồng Kông) có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam nhưng thực tế có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày trong năm tính thuế thì

việc xác định tình trạng cư trú của cá nhân tại Việt Nam như sau:

- ✓ Nếu cá nhân chứng minh là đối tượng cư trú tại Hồng Kông theo quy định của Hồng Kông thì cá nhân được xác định là không cư trú tại Việt Nam và kê khai thu nhập chịu thuế TNCN phát sinh tại Việt Nam theo thuế suất toàn phần. Các khoản thu nhập phát sinh tại Việt Nam nếu Công ty đã khấu trừ và khai thuế TNCN theo Biểu thuế lũy tiến từng phần thì điều chỉnh lại theo thuế suất áp dụng đối với cá nhân không cư trú.
- ✓ Nếu cá nhân không chứng minh được là đối tượng cư trú tại Hồng Kông theo quy định của Hồng Kông thì cá nhân được xác định là cư trú tại Việt Nam. Cá nhân có trách nhiệm kê khai thu nhập phát sinh tại Việt Nam và thu nhập phát sinh ngoài lãnh thổ Việt Nam (nếu có) theo Biểu thuế lũy tiến từng phần.
- Trường hợp khi Bà Christina Hui là đối tượng cư trú của cả hai nước Việt Nam và Hồng Kông thì thân phận cư trú sẽ được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và chính quyền khu hành chính đặc biệt Hồng Kông của nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập.

Cục thuế TP Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty CP Viễn thông Di động Vietnamobile tại Công văn số 9584/CTHN-TTHT ngày 31/3/2021.

3. Thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động gia công của doanh nghiệp chế xuất

- Trường hợp Công ty là doanh nghiệp chế xuất cung cấp dịch vụ gia công cho doanh nghiệp chế xuất khác thì dịch vụ này thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Khoản 20 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC. Công ty sử dụng hóa đơn bán hàng, trên hóa đơn ghi rõ “Dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan” theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 119/2014/TT-BTC.
- Người nộp thuế phải khai tờ khai thuế, bảng kê, phụ lục (nếu có) theo đúng mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung trong tờ khai thuế, bảng kê, phụ lục; nộp đầy đủ các chứng từ, tài liệu quy định trong hồ sơ khai thuế với cơ quan quản lý thuế, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

Cục thuế TP Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty TNHH Kính kỹ thuật Luminous

(Việt Nam) tại Công văn số 9054/CTHN-TTHT ngày 26/3/2021.

4. Thuế nhà thầu

Trường hợp Công ty nhập khẩu máy móc thiết bị kèm theo dịch vụ bảo hành được thực hiện tại Việt Nam thì thu nhập của nhà thầu nước ngoài từ việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ bảo hành thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu tại Việt Nam. Trường hợp nhà thầu nước ngoài không đáp ứng được điều kiện về trực tiếp kê khai thuế tại Việt Nam theo quy định tại Điều 8 Mục 2 Chương II Thông tư 103/2014/TT-BTC thì Công ty có trách nhiệm khấu trừ, kê khai và nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài, cụ thể:

- Về thuế TNDN: tỷ lệ (%) thuế TNDN đối với giá trị máy móc thiết bị: 1%; đối với giá trị các dịch vụ bảo hành: 5%.
- Về thuế GTGT: Công ty đã thực hiện nộp thuế GTGT đầy đủ tại khâu nhập khẩu máy móc thiết bị thì nghĩa vụ thuế GTGT của Nhà thầu nước ngoài chỉ tính trên giá trị dịch vụ bảo hành, tỷ lệ (%) thuế GTGT: 5%.

Cục thuế TP Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty Cổ phần Hacıisco tại Công văn số 8143/CTHN-TTHT ngày 19/3/2021.

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
CHÍNH PHỦ			
1	Nghị định 44/2021/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống Covid-19.	31/3/2021	31/3/2021
2	Nghị định 38/2021/NĐ-CP về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo	29/3/2021	01/6/2021
3	Nghị định 35/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.	29/3/2021	29/3/2021
4	Nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.	26/3/2021	26/3/2021
5	Nghị định 30/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 99/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.	26/3/2021	26/3/2021
6	Nghị định 28/2021/NĐ-CP về việc quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương pháp đối tác công tư	26/3/2021	26/3/2021
7	Nghị định 21/2021/NĐ-CP về việc quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.	19/3/2021	15/5/2021
8	Nghị định 18/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 134/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.	11/3/2021	25/4/2021
9	Nghị định 15/2021/NĐ-CP về việc quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng	03/3/2021	03/3/2021
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ			
1	Quyết định 17/2021/QĐ-TTg quy định mức hỗ trợ học nghề đối với người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.	31/3/2021	15/5/2021
2	Quyết định 10/2021/QĐ-TTg về việc Quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao.	16/3/2021	30/4/2021
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ			
1	Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.	16/3/2021	01/5/2021
TỔNG CỤC THUẾ			
1	Công văn 636/TCT-DNNCN hướng dẫn quyết toán thuế thu nhập cá nhân.	12/3/2021	12/3/2021
BỘ TÀI CHÍNH			
1	Thông tư 23/2021/TT-BTC hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng tem điện tử rượu và tem điện tử thuốc lá.	30/3/2021	15/5/2021
2	Thông tư 19/2021/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.	18/3/2021	03/5/2021



GLOBAL VIETNAM LAWYERS

Liên Hệ Với Chúng Tôi

info@gvlawyers.com.vn

Trụ sở chính – TP. HCM

Tầng 8, Tòa nhà Centec
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường 6, Quận 3
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +84 (28) 3622 3555

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 10A, Tòa nhà CDC
25 Lê Đại Hành
Quận Hai Bà Trưng
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 (24) 3208 3555

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 3, Tòa nhà Indochina
Riverside, 74 Bạch Đằng
Quận Hải Châu
Đà Nẵng, Việt Nam
Tel: +84 (28) 3622 3555

Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể chưa đầy đủ hoặc chưa được cập nhật kịp thời tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phần hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi, GV Lawyers, tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.

